

Bản án số: 05/2024/HS-ST  
Ngày 22-01-2024

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐẮK NÔNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Triệu.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Vũ Đức Minh và bà Phan Thị Kim Loan.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà H' Ra Chen – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 01/2024/TLST-HS ngày 02 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2024/QĐXXST-HS ngày 08/01/2024, đối với bị cáo:

**Lương Minh C**, sinh năm 1981, tại tỉnh Lạng Sơn; nơi cư trú: Thôn 3, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn Th và bà Lý Thị N; có vợ là Nông Thị H (đã ly hôn) và 02 con, lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: không; Bị bắt tạm giữ từ ngày 25/10/2023 sau đó chuyển tạm giam, đến ngày 23/11/2023 được áp dụng biện pháp cho bảo lãnh - Có mặt.

**- Luật sư bào chữa cho bị cáo Lương Minh C:** Ông Phan Long C1, sinh năm 1981 – Luật sư Công ty luật TNHH MTV H – có mặt.

Địa chỉ: Thôn 2, xã Đ, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông.

**- Bị hại:**

Anh Triệu Văn T, sinh năm 1983 – có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 5, xã Q, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Chị Hoàng Thị Đ, sinh năm 1982 – vắng mặt.

Địa chỉ: Bon ĐĐ, xã ĐN, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Lương Minh C quen biết với chị Hoàng Thị Đ sinh năm 1982, trú tại xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước qua mạng xã hội Facebook, sau đó cả hai thường xuyên nhắn tin nói chuyện và nảy sinh tình cảm yêu đương nên nhiều lần lén lút quan hệ tình dục với nhau. Tuy nhiên, trong thời gian quen C, Đ còn làm quen với Triệu Văn T sinh năm: 1983, trú tại thôn 5, xã Q, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông.

Ngày 21/10/2023, T và Đ hẹn nhau đến nhà nghỉ L thuộc thôn 3, xã Đ, huyện TĐ thuê phòng nghỉ số 4 để quan hệ tình dục với nhau. Do nghi ngờ Đ có quan hệ tình cảm với người khác nên C đi tìm và phát hiện xe máy của Đ đang để ở nhà nghỉ L nên đi vào kiểm tra. Trước khi vào phòng, C mở điện thoại di động và bật chế độ quay video, sau đó dùng tay mở cửa phòng thì phát hiện T và Đ đang quan hệ tình dục trên giường nên dùng điện thoại quay video. T và Đ phát hiện thấy C đang quay video nên lấy quần áo mặc vào, sau đó T bỏ chạy ra khỏi phòng lấy xe máy đi về nhà, còn C và Đ đứng trong phòng cãi nhau. Trong lúc đang cãi nhau, C thấy điện thoại của Đ đang để trên bàn phòng nghỉ (điện thoại này là của C mua cho Đ trước đó) nên lấy bỏ vào túi quần rồi ra lấy xe máy đi về. Khi đi đến một quán nước ven đường tại xã Q, huyện TĐ thì C ghé vào uống nước. Đ điều khiển xe mô tô chạy theo sau nên cũng vào quán ngồi uống nước với C. Tại đây, cả hai tiếp tục cãi nhau. Đồng thời, C nói với Đ “đợt này không tha đâu, phạt 50 triệu nếu không đưa sẽ đưa video này cho mọi người xem”, Đ không nói gì. Sau đó, C lấy xe máy đi về nhà tại xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước. Khoảng 19 giờ cùng ngày, C mở điện thoại của Đ lên rồi vào ứng dụng messenger, sử dụng tài khoản Facebook của Đ có tên “Hoang Diep” nhắn tin cho Triệu Văn T với nội dung “đợt này tôi không tha đâu, cho hai người chết đi” nhưng T không trả lời. Ngày 22/10/2023, T vào ứng dụng messenger đọc được tin nhắn từ tài khoản Facebook “Hoang Diep” nên nhắn tin lại với nội dung “nếu mà chết cùng chết” nhưng không thấy ai phản hồi. Đến khoảng 12 giờ ngày 22/10/2023, T sử dụng số điện thoại 0372.237.785 gọi vào số điện thoại của C 0386.833.701 thì C nghe máy. Lúc này, T xin lỗi C và xin C xóa video nhưng C không đồng ý, C yêu cầu T phải đưa cho mình số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) mới xóa video. Tuy nhiên, do số tiền C đưa ra quá cao nên hai bên không thỏa thuận được. Đến ngày 23/10/2023, T tiếp tục gọi điện thoại cho C nói chỉ lo được 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng), C

không đồng ý và yêu cầu T phải xoay cho đủ thì mới xoá video, nếu không sẽ gửi video cho chồng của Đ và anh em họ hàng của Đ xem và đăng lên tài khoản Facebook của Đ để bôi nhọ danh dự của T và Đ. Đến ngày 24/10/2023, T nhắn vào messenger của Đ với nội dung “*em không xoay được nữa, anh thông cảm cho em*”. Lúc này, C vẫn đang cầm điện thoại của Đ và đọc được tin nhắn nên nhắn tin lại với nội dung “*chốt 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu), xoay được thì xóa video, nếu không sẽ gửi cho chồng của Đ và anh em họ hàng của Đ xem*”. Sau khi nhắn tin xong, C sử dụng điện thoại của mình gửi video qua điện thoại của Đ, sau đó tiếp tục sử dụng điện thoại của Đ gửi video qua cho T. Sau khi xem được video, T lo sợ video sẽ bị phát tán lên mạng xã hội nên đồng ý theo yêu cầu của C và nhắn tin lại cho C với nội dung “*40.000.000 đồng*”. Chiều ngày 24/10/2023, T tiếp tục nhắn tin cho C với nội dung “*em không xuống được, có gì anh lên ngã ba 72, xã Q em đưa cho 15.000.000 đồng và viết giấy nợ cho anh*” nhưng C không trả lời.

Sáng ngày 25/10/2023, T hẹn C đến quán cà phê của chị Hoàng Thị H tại thôn 5, xã Q, huyện TĐ để giao tiền và viết giấy nợ. Khoảng 09 giờ cùng ngày Lương Minh C đi xe khách từ huyện B, tỉnh Bình Phước đến điểm hẹn. Tại đây, T viết cho C một tờ giấy nợ lại 25.000.000 đồng. Sau đó T đưa tờ giấy trên cho C cất giữ cùng với số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) thì bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Tuy Đức phát hiện, mời về làm việc. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, C thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản Cáo trạng số 05/CT-VKS-TĐ ngày 31 tháng 12 năm 2023, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức đã truy tố bị cáo Lương Minh C về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo. Sau khi phân tích các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lương Minh C phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”, đề nghị:

Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lương Minh C từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 03 năm.

*Về hình phạt bổ sung:* Đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

*Về trách nhiệm dân sự:* Bị cáo đã bồi thường, khắc phục toàn bộ thiệt hại cho bị hại, bị hại không có yêu cầu gì thêm nên không đề cập giải quyết.

*Về vật chứng vụ án:* Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị:

Chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy Đức trả lại 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Oppo A5 2020, mặt sau vỏ màu trắng và số tiền 10.000.000 đồng cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Triệu Văn T và trả lại 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Oppo A37, mặt sau vỏ màu vàng, ốp màu nâu cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Hoàng Thị Đ.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước đối với 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Oppo A55 do bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

Tại phiên tòa bị cáo không bào chữa gì về hành vi phạm tội của mình mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày quan điểm bào chữa: Luật sư hoàn toàn đồng ý với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát, tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thêm các tình tiết bị cáo là người dân tộc thiểu số nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế; Bị cáo là lao động chính trong gia đình, đã ly hôn vợ và đang nuôi con nhỏ; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và đã bồi thường khắc phục toàn bộ thiệt hại cho bị hại và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lương Minh C mức án 01 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa ngày hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án nên có đủ căn cứ kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 21/10/2023 đến ngày 25/10/2023, sau khi quay được vì deo quan hệ tình dục giữa Hoàng Thị Đ và Triệu Văn T, Lương Minh C đã có hành vi uy hiếp tinh thần anh Triệu Văn T để buộc anh Triệu Văn T đưa số tiền 10.000.000 đồng. Ngày 25/10/2023, tại quán cà phê của chị Hoàng Thị H thuộc thôn 5, xã Q, huyện TĐ, trong lúc Lương Minh C nhận của anh Triệu Văn T số tiền 10.000.000 đồng thì bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Tuy Đức phát hiện.

Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức truy tố bị cáo Lương Minh C về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

**Điều 170 Bộ luật Hình sự quy định:**

*“1. Người nào đe dọa sẽ dùng vũ lực hoặc có thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần người khác nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.*

...”

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự chung tại địa phương. Để giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt có ý thức chấp hành pháp luật cũng như răn đe phòng ngừa chung trong xã hội cần xử phạt bị cáo một mức hình phạt đủ nghiêm minh tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt; trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã khắc phục hậu quả, bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại và được bị hại làm đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, cần áp dụng khi quyết định hình phạt đối với bị cáo để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, cho bị cáo được hưởng án treo dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương và gia đình các bị cáo cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố Nhà nước tại phiên tòa về tội danh, điều luật áp dụng, về hình phạt đối với bị cáo là phù hợp cần chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường, khắc phục toàn bộ thiệt hại cho người bị hại, bị hại không có yêu cầu gì thêm nên không đề cập giải quyết.

[8] Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ cần chấp nhận.

[9] Đối với hành vi của Lương Minh C lấy chiếc điện thoại của chị Hoàng Thị Đ, quá trình điều tra xác định nguồn gốc chiếc điện thoại do C mua tặng cho chị Hoàng Thị Đ, khi xảy ra sự việc vì bức tức Đ nên C muốn lấy chiếc điện thoại để kiểm tra thông tin và dùng để nhắn tin qua lại với anh Triệu Văn T, không nhằm mục đích chiếm đoạt nên không đề cập xử lý.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố bị cáo Lương Minh C phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lương Minh C 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 22/01/2024.

Giao bị cáo Lương Minh C cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước và gia đình bị cáo giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Lương Minh C cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên, thì Tòa án có thể buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

- **Về trách nhiệm dân sự:** Bị cáo đã bồi thường, khắc phục toàn bộ thiệt hại cho người bị hại, bị hại không có yêu cầu gì thêm nên không đề cập giải quyết.

- **Về vật chứng vụ án:** Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy Đức trả lại 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Oppo A5 2020, mặt sau vỏ màu trắng và số tiền 10.000.000 đồng cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Triệu Văn T và trả lại 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Oppo A37, mặt sau vỏ màu vàng, ốp màu nâu cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Hoàng Thị Đ.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước đối với 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Oppo A55.

*(Vật chứng có đặc điểm như trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/01/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy Đức và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Đức).*

- **Về án phí:** Căn cứ Điều 135; Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 về phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Lương Minh C phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

- **Về quyền kháng cáo:** Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Phòng PV 27 CA tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Tuy Đức;
- Công an huyện Tuy Đức;
- Chi cục THA DS huyện Tuy Đức;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký, đóng dấu)**

**Nguyễn Xuân Triệu**

